

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30, 31 - 12 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung và nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lành Văn Huế

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Ngọc Nam

Bà Lâm Thị Vên

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Hà Thu – Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia
phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lý - Kiểm sát viên.*

Ngày 30, 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS, ngày 14/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Việt T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyên N – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

Địa chỉ: Khối phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

2. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

3. Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

4. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khố phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như lời khai tại phiên toà nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H kết hôn với anh Lương Viết T vào ngày 26/10/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc và đã được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau có hạnh phúc và sinh được 01 người con chung, đến tháng 12/2020 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh T có tính hay ghen và nghi ngờ chị H ngoại tình, thường xuyên chửi mắng và đánh đập chị H, có lần đuổi chị H ra khỏi nhà, ngày 22/4/2021 chị H đang kinh doanh quần áo tại nhà, anh T khuân quần áo vứt hết ra ngoài cửa, đánh và hắt nước vào mặt chị, chị H xin phép mẹ chồng ra ngoài ở riêng một thời gian, ngày 25/5/2021 chị H quay lại nhà để lấy đồ dùng cá nhân, anh T không cho vào nhà, còn cầm chổi đánh chị H, thậm chí không cho chị H thăm và gửi quà cho con mặc dù con rất còn nhỏ. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay không còn quan tâm gì nhau. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Lương Viết T.

Về con chung: Có 01 người con tên là Lương Nhã Đ, sinh ngày 28/01/2019, hiện nay cháu Đ đang ở với anh T. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm có: 01 bộ bàn ghế gỗ xoan đào tay tròn 12, mua năm 2019; 01 chiếc điều hòa nhãn hiệu Pamtonic 02 chiều, công suất 12.000BTU mua năm 2019 do Trung Quốc sản xuất; 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu Tân Á, loại 30 lít mua năm 2019; 02 bao quần áo mới chưa bán. Tổng giá trị tài sản chung theo định giá là 32.642.500đ. Khi ly hôn, chị Hoàng Thị H yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ số quần áo có giá trị là 13.885.000đ; anh T được quản lý sử dụng 01 bộ bàn ghế, 01 điều hòa, 01 bình nóng lạnh có tổng giá trị là 18.757.500đ. Chị H không yêu cầu anh T thanh toán khoản tiền chênh lệch về tài sản.

Về các giấy tờ của chị Hoàng Thị L và chiếc điện thoại Iphone Xsmax của bà Vũ Thị Q chị H đã rút yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên rút yêu cầu khởi kiện.

Về nợ chung: Năm 2019 chị H và anh T có vay nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội huyện B là 70.000.000đ, có chữ ký xác nhận người được ủy quyền là anh Lương Viết T; năm 2020 vay nợ bà Hoàng Thị T số tiền là 26.000.000đ không tính lãi. Vay tiền với mục đích là kinh doanh quần áo. Hiện khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện B chưa đến hạn thanh toán, đối với khoản vay bà Hoàng Thị T chị H đã trả

được 2.000.000đ, hiện còn nợ 24.000.000đ. Khi ly hôn, chị H yêu cầu anh T có trách nhiệm thanh toán khoản tiền 24.000.000đ cho bà T; chị H sẽ có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện B là 70.000.000đ và lãi phát sinh theo Sổ vay vốn đã ký, chị H không yêu cầu anh T phải thanh toán số tiền chênh lệch.

Theo bản tự khai cũng như lời khai tại phiên toà bị đơn anh Lương Viết T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Hoàng Thị H kết hôn vào ngày 26/10/2018, trước khi kết hôn có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau kết hôn vợ chồng sống với nhau có hạnh phúc và sinh được 01 người con, đến năm 2020 anh T cầm điện thoại của chị H và đọc được tin nhắn chị H nhắn tin cho người đàn ông khác anh không nói gì, đến năm 2021 anh T thấy chị H ngồi lên xe mô tô người đàn ông đó đi sang huyện B1 anh T cũng không nói gì, đến ngày 22/4/2021 anh T đọc được tin nhắn của chị H và cuộc gọi điện cho người đàn ông đó, anh T vẫn không nói gì, hai vợ chồng ở với nhau được gần một tuần, đến ngày 25/5/2021 chị H dọn đồ chuyển ra ngoài ở, không ai đuổi chị H. Từ đó hai vợ chồng sống ly thân đến nay không còn quan tâm gì nhau. Nay chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị H như đã thỏa thuận tại phiên hòa giải.

Về con chung: Có 01 người con tên là Lương Nhã Đ, sinh ngày 28/01/2019, hiện nay cháu Đ đang ở với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con là 750.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: 01 bộ bàn ghế gỗ xoan đào tay tròn 12, mua năm 2019; 01 chiếc điều hòa nhãn hiệu Pamtonic 02 chiều, công suất 12.000BTU mua năm 2019 do Trung Quốc sản xuất; 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu Tân Á, loại 30 lít mua năm 2019; 02 bao quần áo chưa bán mà chị H đã mang đi. Tổng giá trị tài sản chung theo định giá là 32.642.500đ. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được sử dụng máy điều hòa và bình nóng lạnh có giá trị là 7.470.000đ; còn quần áo và bàn ghế cho chị H quản lý, sử dụng có giá trị là 25.172.500đ và yêu cầu chị H thanh toán số tiền chênh lệch về tài sản.

Về nợ chung: Năm 2019 anh T và chị H có vay nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền là 50.000.00đ. Số tiền này khi vay về chị Hoàng Thị H đã cho bà Vũ Thị Q (mẹ đẻ chị H) vay, nay yêu cầu bà Vũ Thị Q có trách nhiệm thanh toán số tiền mà bà vay là 50.000.000đ cho anh T và chị H; còn khoản vay số tiền 20.000.000đ và số tiền vay bà Hoàng Thị T là do chị H vay riêng anh T không biết nên không có trách nhiệm. Sau khi ly hôn, anh T sẽ có trách nhiệm thanh toán 1/2 khoản vay gốc là 25.000.000đ, yêu cầu chị Hoàng Thị H phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vay chung và vay riêng cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền là 45.000.000đ và thanh toán khoản tiền vay riêng cho bà Hoàng Thị T là 24.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T trình bày: Tháng 9 năm 2019 chị Hoàng Thị H có vay riêng bà số tiền là 26.000.000đ, bà không biết chị H vay về sử dụng vào mục đích gì, lúc hỏi vay không có anh Lương Viết T, đến cuối năm 2019 chị H đã thanh toán được 2.000.000đ, đến nay còn nợ là 24.000.000đ. Bà T yêu cầu chị Hoàng Thị H có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ là 24.000.000đ chị H đã vay bà. Về các tài sản như bàn ghế, máy điều hòa, bình nóng lạnh và quần áo là tài sản chung của vợ chồng anh T và chị H bà không liên quan. Hiện các tài sản như bàn ghế, máy điều hòa, bình nóng lạnh gia đình bà đang sử dụng, còn quần áo chị H đã mang theo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, người được ủy quyền ông Lê Nguyên N trình bày: Năm 2019 bà Hoàng Thị H là người đại diện hộ vay vốn (người thừa kế là ông Lương Viết T) có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B 02 món vay cụ thể là: Ngày 15/3/2019 món vay chương trình nước sạch và về sinh môi trường nông thôn số tiền vay là 20.000.000đ; ngày 19/11/2019 món vay chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm số tiền vay là 50.000.000đ. Tính đến hết ngày 30/12/2021 gia đình bà Hoàng Thị H còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền gốc là: 70.000.000đ và lãi phát sinh, hiện tiền lãi chưa đến kỳ thanh toán. Khi giải quyết ly hôn đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện B yêu cầu Tòa án làm rõ trách nhiệm trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Q trình bày: Về yêu cầu anh Lương Viết T trả lại số tiền 20.000.000đ do anh T đang giữ chiếc điện thoại Iphone Xsmax của bà mua cho con gái là Hoàng Thị H sử dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án con gái bà là Hoàng Thị H đã rút yêu cầu về chiếc điện thoại mà anh T đang giữ nên đến ngày 23/11/2021 bà Vũ Thị Q viết đơn xin rút yêu cầu anh T trả chiếc điện thoại Iphone Xsmax giá trị bằng tiền mặt là 20.000.000đ, tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên rút yêu cầu. Đối với khoản nợ mà anh Lương Viết T khai là cho bà vay nợ với số tiền là 50.000.000đ, bà khẳng định không được vay khoản tiền gì với vợ chồng anh T và chị H nên bà không chịu trách nhiệm về khoản nợ này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị L trình bày tại bản tự khai: Chị Hoàng Thị L yêu cầu anh Lương Viết T trả lại 01 chiếc ví, bên trong có 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 bằng lái xe đều mang tên Hoàng Thị L có để trong cốp xe chị Hoàng Thị H hiện do anh Lương Viết T đang giữ. Đến ngày 23/11/2021 chị L đã có đơn xin rút yêu cầu anh T trả lại 01 chiếc ví bên trong có 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 bằng lái xe đều mang tên Hoàng Thị L.

Do tài sản chị H và anh T không tự thỏa thuận được và cũng không xác định được giá trị tài sản. Ngày 07 tháng 12 năm 2021 Tòa án thành lập Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã xác định được giá trị tài sản chung gồm có: 01 bộ bàn ghế gỗ xoan đào tay tròn 12, mua năm 2019, có giá trị sử dụng **11.287.500đ**; 01 chiếc điều hòa nhãn hiệu Pamtonic 02 chiều, công suất 12.000BTU mua năm 2019 do Trung Quốc sản xuất, có giá trị sử dụng

6.516.667đ; 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu Tân Á, loại 30 lít mua năm 2019, có giá trị sử dụng **953.333đ**; bao quần áo mới chưa bán có 15 loại hàng hóa các loại có giá trị là **13.885.000đ**. Tổng giá trị tài sản là **32.642.500đ**.

Về chi phí định giá tài sản: Chị Hoàng Thị H không xác định được về giá trị tài sản tranh chấp nên đã làm đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chị H đã nộp tạm ứng số tiền là 4.000.000đ. Ngày 07/11/2021 đã chi cho Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 2.900.000đ.

Trong quá trình giải quyết Toạ độ, tôi nhận được phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hợp lệ, tôi phải trả lời ngày 25/11/2021 của các bên và sự đồng ý của tất cả các bên với nhau về quan hệ hôn nhân: Chồng và vợ anh T thu nhập tổng cộng; đối với con chung, tài sản chung và nợ chung do các bên không thỏa thuận được và cùng yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa lần đầu tiên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Mỹ, tỉnh Bình Định và Viện
tư pháp theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Tại hạ sơ vô, n Thẩm phán ®· ti Ôn hnh ®Çy ®ñ c, c ho't ®éng tè tông vụ chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

T'ì phi²n t²ba Húi ®²ng xĐt xõ và Thư ký đã thực hiện đúng, ®Çy ®ñ c,c thñ t²c t²ng về phiên tòa sơ thẩm theo quy ®²nh của Bộ luật t²ng d©n sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tổ tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình. Công nhận sự thỏa thuận của chị Hoàng Thị H và anh Lương Viết T thuận tình ly hôn theo biên bản hòa giải ngày 25/11/2021.

Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 giao cháu Lương Nhã Đ, Sinh ngày 28/01/2019 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Nhã Đ đến khi cháu 18 tuổi.

Về tài sản chung: Áp dụng điều 59 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về nợ chung: Áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Hoàng Thị H có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền đối với Ngân hàng chính sách xã hội huyện B tổng số tiền là 70.220.932đ. Không chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị H yêu cầu anh Lương Viết T cùng trả số nợ đối với bà Hoàng Thị T.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự ra quyết định đình chỉ 1 phần yêu cầu của nguyên đơn chị Hoàng Thị H: Yêu cầu anh T trả chiếc điện thoại iphone Xsmax, 01 chiếc ví bên trong có 01 chứng minh nhân dân,

01 bằng lái xe, 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Thị L do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí, chi phí tố tụng các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

Về thiếu sót, kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Hoàng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lương Viết T, yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, tranh chấp nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn giải quyết. Tòa án nhân dân huyện Bình Gia thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định. Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Các đương sự không có ý kiến khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Lương Viết T kết hôn năm 2018, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Hôn nhân của anh chị phù hợp các quy định pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn. Nên được coi là Hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên hòa giải chị H và anh T đã thỏa thuận được với nhau về quan hệ hôn nhân là thuận tình ly hôn và tại phiên tòa chị H, anh T vẫn giữ nguyên thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2021. Do vậy, việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T theo biên bản hòa giải ngày 25 tháng 11 năm 2021.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có một con chung là Lương Nhã Đ, sinh ngày 28/01/2019. Do hai vợ chồng không thỏa thuận được về vấn đề nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của người cha, người mẹ. Xét về điều kiện chung, theo nguyện vọng chị H yêu cầu được nuôi cháu vì hiện cháu Đ còn rất nhỏ dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ, hơn nữa chị H đã có chỗ ở ổn định tại nhà mẹ đẻ tại Khố phố T, thị trấn B, huyện B, có thu nhập ổn định qua việc bán hàng và xác định một mình sẽ tự nuôi được con sau ly hôn, không cần sự đóng góp, cấp dưỡng từ phía anh T. Mặt khác anh Lương Viết T cũng yêu cầu được nuôi cháu Đ và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con 750.000đ/tháng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện anh T nghề nghiệp

chính là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên anh yêu cầu được nuôi cháu Đ vẫn cần sự chu cấp của chị H. Do vậy, nếu giao cháu Đ cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì sẽ không đảm bảo về mọi mặt cho cháu Đ. Để đảm bảo đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em phát triển toàn diện nên cần giao cháu Đ cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành là có căn cứ, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, nguyện vọng của chị H yêu cầu được nuôi con và quy định của pháp luật về con dưới 36 tháng tuổi tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị H và anh T xác định có tài sản chung gồm: 01 bộ bàn ghế, 01 bình nóng lạnh, 01 điều hòa hiện anh Tâm đang quản lý sử dụng, 02 bao quần áo mới chưa bán hiện chị H đang quản lý. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Hội đồng định giá tài sản đã xác định được giá trị tài sản chung của vợ chồng là: 32.642.500đ. Tại phiên tòa chị H yêu cầu được quản lý, sử dụng 02 bao quần áo có giá trị theo Hội đồng định giá là 13.885.000đ; anh T được quản lý, sử dụng 01 bộ bàn ghế, 01 bình nóng lạnh, 01 điều hòa có tổng giá trị theo Hội đồng định giá là 18.757.500đ, chị H không yêu cầu anh T phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch. Xét yêu cầu của chị H là phù hợp với thực tế, hiện tại tài sản do các bên sử dụng như bàn ghế, điều hòa, bình nóng lạnh gia đình anh T vẫn đang quản lý và sử dụng; quần áo chị H đang quản lý. Do vậy yêu cầu của chị H là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của anh Lương Viết T yêu cầu được quản lý và sử dụng 01 bình nóng lạnh và 01 điều hòa có tổng giá trị là 7.470.000đ; chị H quản lý, sử dụng 01 bộ bàn ghế và toàn bộ quần áo có tổng giá trị là 25.172.500đ và yêu cầu chị H thanh toán số tiền chênh lệch về tài sản cho anh T và yêu cầu chị H thanh toán giá trị số quần áo còn tồn theo sổ nhập hàng và sổ bán hàng mà anh cung cấp. Xét thấy yêu cầu của anh T không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử; đối với quyền sổ nhập hàng và sổ bán hàng mà anh T cung cấp không chứng minh được số lượng quần áo còn tồn bao nhiêu nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình chung sống hộ gia đình chị Hoàng Thị H và anh Lương Viết T có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện B 02 món vay cụ thể là: Ngày 15/3/2019 món vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền vay là 20.000.000đ; ngày 19/11/2019 món vay chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, số tiền vay là 50.000.000đ. Tính đến hết ngày 30/12/2021 số tiền dư gốc là: 70.000.000đ và lãi phát sinh và tháng 9 năm 2020 chị Hoàng Thị H có vay bà Hoàng Thị T số tiền là 26.000.000đ, mục đích vay là để kinh doanh bán quần áo. Xét thấy, đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân, tại thời điểm vay vốn anh chị chung sống hạnh phúc; mục đích sử dụng vốn vay về khoản tiền Ngân hàng đã được thể hiện rõ tại Sổ vay vốn, Hợp đồng tín dụng và cũng phù hợp với thực tế việc kinh doanh bán quần áo của anh chị tại thời điểm năm 2019 – 2020. Đối với khoản vay còn nợ bà Hoàng Thị T 24.000.000đ chị H là người trực tiếp nhận vay tiền về để làm vốn kinh doanh quần áo được xác định vay trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên anh T không thừa

nhận khoản tiền này và cho rằng chị H vay cá nhân về sử dụng vào mục đích gì anh không biết và bà T cũng cho rằng chị H vay riêng. Tuy nhiên, kể từ tháng 9 năm 2020 chị H vay tiền với bà T về kinh doanh quần áo anh T cũng thừa nhận có việc chị H vay tiền và đến tháng 12/2020 gần giáp tết anh T còn được nhắc nhở chị H thu xếp tiền để trả cho bà T, nhưng đến giáp tết chị H mới chỉ thanh toán được 2.000.000đ, số tiền còn nợ 24.000.000đ, đến tháng 4/2021 vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Như vậy, các khoản vay nợ trên đều được xác định là khoản nợ chung của vợ chồng nên chị H và anh T cùng phải có trách nhiệm thanh toán chung khoản nợ trên cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện B và bà Hoàng Thị T. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H tự nguyện chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền nợ gốc là 70.000.000đ và lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký và yêu cầu anh Lương Viết T có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cho bà Hoàng Thị T là 24.000.000đ, chị H không yêu cầu khoản tiền chênh lệch về việc thanh toán nợ trên. Xét yêu cầu của chị H tự nguyện thanh toán khoản tiền nợ chung lớn hơn khoản tiền anh T thanh toán là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, do vậy cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị H và buộc anh Lương Viết T thanh toán khoản tiền nợ cho bà Hoàng Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu anh Lương Viết T trả 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax, 01 chiếc ví bên trong có 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Thị L, do nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Lương Viết T không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Q, chị Hoàng Thị L không có yêu cầu độc lập, bà Q và chị L đều không có ý kiến đề nghị gì về việc chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện, cùng ngày ngày 23/11/2021 bà Q và chị L đã có đơn xin rút yêu cầu anh T trả lại 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax cho bà Q và 01 chiếc ví bên trong có 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 bằng lái xe đều mang tên Hoàng Thị L cho chị L. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu là có căn cứ phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị H do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

[8] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.900.000đ. Xét thấy tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị H đã tự nguyện chịu toàn bộ khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không yêu cầu trách nhiệm đối với bị đơn anh T được chia tài sản nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Hoàng Thị H. Xác nhận chị Hoàng Thị H đã nộp 4.000.000đ và đã chi đủ số tiền là 2.900.000đ, số tiền dư còn lại là 1.100.000đ đã được trả lại cho chị Hoàng Thị H theo biên bản giao nhận ngày 29 tháng 12 năm 2021.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của các đương sự có căn cứ chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản mà các đương sự được hưởng để sung ngân sách Nhà nước.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận. Đối với phần nợ chung Kiểm sát viên đề nghị không phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không có căn cứ chấp nhận.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 37, 51, 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2, 4 Điều 147, 157, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 264, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự; điểm a, b khoản 1 Điều 24, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận của chị Hoàng Thị H và anh Lương Viết T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Nhã Đ, sinh ngày 28/01/2019 cho chị Hoàng Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh Lương Viết T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lương Viết T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị Hoàng Thị H và anh Lương Viết T có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

3. Về tài sản chung: Chị H được quản lý và sử dụng toàn bộ số quần áo có giá trị là 13.885.000đ (mười ba triệu tám trăm tám mươi năm nghìn đồng) hiện chị H đang quản lý; anh Lương Viết T được quản lý, sử dụng 01 (một) bộ bàn ghế gỗ xoan đào tay tròn 12; 01 (một) chiếc điều hòa nhãn hiệu Pamtonic 02 chiều, công suất 12.000BTU, do Trung Quốc sản xuất; 01(một) bình nóng lạnh nhãn hiệu Tân Á, loại 30 lít có tổng giá trị là 18.757.500đ (mười tám triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng), anh Lương Viết T không phải thanh toán giá trị tiền chênh lệch về tài sản cho chị Hoàng Thị H.

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị H tự nguyện thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo Sổ vay vốn đã ký. Buộc anh Lương Viết T có trách nhiệm thanh toán nợ cho bà Hoàng Thị T số tiền nợ là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) không tính lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức

lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng số tiền là 2.900.000đ (hai triệu chín trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Hoàng Thị H đã nộp và chi đủ số tiền 2.900.000đ (hai triệu chín trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Hoàng Thị H đã được trả lại số tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản còn dư là 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) theo biên bản giao nhận ngày 29 tháng 12 năm 2021.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 694.000đ án phí dân sự có giá ngạch; anh Lương Viết T phải chịu 1.637.800đ (một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước.

Xác nhận chị H đã nộp 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2021/0005506, ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Hoàn trả cho chị Hoàng Thị H 506.000đ (sáu trăm linh năm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn
- VKSND huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lành Văn Huế

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nông Ngọc Nam

Lệnh Văn Huõ

Lâm Thị Vên

